|  |
| --- |
| **Phụ lục:**  **QUY ĐỊNH MỨC CHI CÔNG TÁC THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ NƯỚC SẠCH VÀ**  **VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN; KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**  **TẠI HỘ GIA ĐÌNH VÙNG NGUỒN NƯỚC BỊ Ô NHIỄM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK** |
| *(Kèm theo Nghị quyết số 18  /2020/NQ-HĐND ngày 09 /12  /2020*  *của Hội đồng Nhân dân tỉnh)* | |  |

| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Mức chi công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn** |  |  |
| 1 | Chi tập huấn phương pháp thu thập, cập nhật, tổng hợp thông tin số liệu cho cán bộ, người tham gia điều tra số liệu | Ngày | Mức chi theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. |
| 2 | Chi xây dựng phương án, điều tra, thống kê lập mẫu phiếu điều tra cập nhật số liệu Bộ chỉ số cấp tỉnh | Đồng/phương án, lập mẫu phiếu điều tra | 5.000.000.  Quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh. |
| 3 | Chi in ấn, photo biểu mẫu, tài liệu hướng dẫn điều tra thực hiện Bộ chỉ số hàng năm, vận chuyển tài liệu (nếu có), văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe |  | Mức chi theo thực tế thực hiện |
| 4 | Chi hỗ trợ công điều tra: |  |  |
| a | Chi công điều tra cho điều tra viên (không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (Đối với thôn có số hộ điều tra < định mức điều tra tối thiểu sẽ được tính là 01 ngày công; tối thiểu 80 hộ/ngày/công) | Đồng/ngày/công | 140.000.  Quy định tại điểm a, Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính. |
| b | Chi tiền công điều tra cho cán bộ cấp xã (có hưởng lương từ ngân sách nhà nước) tham gia thực hiện điều tra Bộ chỉ số hàng năm (nếu có); tối thiểu 80 hộ/ngày/công | Đồng/ngày/công | 70.000.  Quy định tại điểm b, Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính. |
| 5 | Chi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê |  | Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. |
| 6 | Chi quản lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Bộ chỉ số cấp tỉnh | Đồng/báo cáo tổng hợp | 3.000.000.  Quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh. |
| 7 | Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả; báo cáo số liệu Bộ chỉ số hàng năm đối với cấp huyện, thị xã, thành phố | Đồng/báo cáo tổng hợp | 2.000.000.  Quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính. |
| 8 | Chi công nhập dữ liệu (vào phần mềm máy tính file Excel), tổng hợp xử lý dữ liệu cấp xã, mỗi hộ gia đình nhập liệu là 01 trường dữ liệu | Đồng/trường dữ liệu | 300.  Quy định tại Khoản a, Điều 4, Thông tư số số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. |
| **II** | **Mức chi kiểm tra, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt; chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm** |  |  |
| 1 | Chi công tác kiểm tra, giám sát lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước sinh hoạt nông thôn (Công tác phí, chi phí đi lại) |  | Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. |
| 2 | Chi hỗ trợ người dẫn đường phối hợp thực hiện công tác lấy mẫu nước, kiểm tra, đánh giá Bộ chỉ số | Đồng/ngày | 98.000.  Quy định tại quy định tại Khoản a, Điểm 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính |
| 3 | Phân tích đánh giá chất lượng mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo QCVN 01 và QCVN 02:2009/BYT | Đồng/mẫu | Mức chi theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập. |